

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÔNG CỐNG
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **07/2020/HS-ST**
Ngày 04 - 5 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Xuân Tuyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Ngọc Tiến

2. Bà Lê Thị Dệt

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Liên - Thư ký Tòa án,
Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa
tham gia phiên tòa:*** Ông Lê Hữu Bạo - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống,
tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số:
08/2020/TLST-HS ngày 26 tháng 2 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét
xử số: 22/2020/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 4 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Lê Văn L, sinh ngày 20/10/1997 tại xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa ;
Nơi cư trú: Thôn 4B (M), xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao
động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 8/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc
tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Văn Th, sinh năm 1975 và bà Lê Thị Th1, sinh năm
1976; Bị cáo chưa có vợ, con;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/01/2020 đến ngày 19/01/2020 chuyển tạm
giam. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa (có mặt).

2. Trần Văn Th2, sinh ngày 17/4/2001 tại xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa;
Nơi cư trú: Thôn 9, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự
do; Trình độ học vấn: Lớp 9/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch:
Việt Nam; Con ông: Trần Văn B, sinh năm 1971 và bà Lê Thị B1, sinh năm
1971; Bị cáo chưa có vợ, con;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/01/2020 đến ngày 19/01/2020 chuyển tạm
giam. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa (có mặt).

3. Đỗ Văn Th3, sinh ngày 16/8/2002 tại xã C, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã C, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Học sinh; Trình độ học vấn: Lớp 11/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Đỗ Văn T1, sinh năm 1970 và bà Ng, sinh năm 1976; Bị cáo hiện đang là học sinh lớp 11, chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/01/2020 đến ngày 19/01/2020 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; hiện đang tại ngoại (có mặt).

** Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Đỗ Văn Th3:*

Ông Đỗ Văn T1, sinh năm 1970 (là bố đẻ), (có mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã C, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Anh Lê Trọng H, sinh năm 2002 cùng người đại diện hợp pháp bà Đinh Thị Th4 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn 9, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

**Người làm chứng:*

1. Anh Lê Gia P, sinh năm 1990 (vắng mặt);

2. Nguyễn Xuân Th4 (vắng mặt)

3. Anh Nguyễn Duy Q, sinh năm 2004 và Người đại diện hợp pháp ông Nguyễn Văn Đ1 (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ, ngày 10 tháng 01 năm 2020, tại khu vực đền BT, thuộc địa phận thôn 6, xã TT, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Công an huyện Nông Cống phát hiện, bắt quả tang Nguyễn Duy Q, sinh ngày 11/01/2004, Đỗ Văn Th3, sinh ngày 16/8/2002 và Trần Văn Th2, sinh ngày 17/4/2001 đang có hành vi mua bán hàng cấm (pháo). Vật chứng thu giữ gồm: 01 ba lô màu đen, bên trong chứa 05 hộp pháo dân, loại 36 quả (trong đó: 04 hộp bên ngoài được bọc bằng giấy màu đỏ, có in chữ nước ngoài (dạng chữ Trung Quốc) và 01 hộp bên ngoài được bọc bằng giấy màu xanh, nhãn hiệu “Moguwang”), tất cả được niêm phong có ký hiệu M1; 01 xe máy, nhãn hiệu Honda, màu sơn: Trắng - Đen - bạc, biển số 36B6-746.25; 01 xe máy, nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter, màu sơn: Xanh - bạc, biển số 36B4-789.08; 01 điện thoại Nokia 1280 màu đen (đã qua sử dụng); 01 điện thoại Nokia 1034 màu đen (đã qua sử dụng).

Quá trình điều tra các bị cáo khai nhận: Do đã liên hệ, mua bán pháo từ trước nên trưa ngày 10/01/2020, Nguyễn Duy Q hẹn với Lê Gia P đến khu vực đền BT thuộc thôn 6, xã TT, huyện N, tỉnh Thanh Hóa để giao dịch mua bán pháo. Sau đó, Q gọi điện thoại cho Lê Văn L mua 05 hộp pháo với giá 1.150.000đ (Một triệu một trăm năm mươi nghìn đồng) 1 hộp để mang đi bán lại

cho P với giá 1.300.000đ (*Một triệu ba trăm nghìn đồng*) 1 hộp. Do lúc đó không có ở nhà nên L đã hướng dẫn qua điện thoại cho Q, chỉ nơi cất giấu pháo trong phòng ngủ nhà mình để Q đến lấy. Q điều khiển xe mô tô Yamaha - Exciter, biển số: 36B4-789.08 đến nhà Trần Văn Th2 và rủ Th2 đi bán pháo cùng thì Th2 đồng ý. Sau đó, Th2 chở Q đi đến nhà L. Khi đến nhà L, Q đi vào nhà lấy pháo còn Th2 đứng ngoài đợi. Sau khi lấy được pháo Q bỏ vào một ba lô màu đen rồi mang ra xe và cùng Th2 đi về hướng đền BT. Trên đường đi, Q gọi điện cho Đỗ Văn Th3 rủ Th3 đi cùng và hẹn gặp nhau trên đường lên đền BT. Lúc này, Th3 đang ở nhà Th2 nên đã lấy xe máy nhãn hiệu Wave, màu trắng - đen - bạc, biển kiểm soát 36B6 - 746-25 của nhà Th2 để đi lên đền BT. Sau khi ba đối tượng gặp nhau ở gần gốc cây đa thuộc cánh đồng thôn 6, xã TT, huyện N, Q bỏ ba lô chứa pháo vào thùng rác làm bằng ống cống xi măng bên đường gần chỗ gặp nhau và dặn Th3 ở lại trông chừng. Q và Th2 đi lên đền BT gặp P, mục đích để lấy tiền bán pháo trước, sau đó mới gọi điện cho Th3 mang pháo lên để giao sau. Tuy nhiên, khi gặp P tại điểm hẹn, do P yêu cầu phải thấy pháo mới đưa tiền nên Q gọi cho Th3 mang ba lô chứa pháo lên cho Q. Khi Th3 mang ba lô pháo lên đến chỗ Q và Th2, đang chuẩn bị bán cho Ph thì bị Công an huyện Nông Công bắt quả tang, thu giữ một ba lô màu đen, bên trong chứa 05 hộp pháo, loại pháo dàn 36 quả và một số vật chứng liên quan đến vụ án.

Buổi chiều cùng ngày, sau khi biết tin Q, Th2, Th3 bị bắt, Lê Văn L đã đến cơ quan Công an huyện Nông Công đầu thú và tự nguyện giao nộp cho cơ quan điều tra 20 hộp pháo, loại pháo dàn 36 quả mà Long đã đặt mua trước đó với mục đích bán kiếm lời (được niêm phong ký hiệu M2).

Cùng ngày Cơ quan điều tra Công an huyện Nông Công tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của bị cáo L tại thôn 4B (M), xã T, huyện N nhưng không thu thêm được tài liệu, đồ vật nào khác liên quan đến hành vi phạm tội.

Tại Cơ quan điều tra bị cáo Lê Văn L khai nhận nguồn gốc số pháo bán cho Q, Th2 và số pháo đang cất giấu trong nhà là do quen biết với người có tài khoản Facebook tên “QH” và biết người này bán pháo nên L đã liên hệ để mua pháo về bán kiếm lời. L mua pháo với giá 800.000đồng/1 hộp rồi bán lại với giá 1.200.000đ/hộp. Khi nào có nhu cầu mua pháo, L dùng điện thoại liên hệ với tài khoản “QH” để đặt pháo, sau đó pháo được đóng gói chuyển về cho L bằng xe khách, khi nhận được pháo, L sẽ thanh toán tiền cho nhà xe. Mỗi lần chuyển pháo đối tượng gửi các xe khác nhau và không theo thời gian cố định. Khi nhận được pháo, L sẽ liên hệ với những người có nhu cầu để bán pháo.

Tại bản kết luận giám định số: 534/PC09 ngày 17 tháng 01 năm 2020 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa, kết luận:

- 04 hộp dạng hình chữ nhật có tổng khối lượng 5,6kg, mỗi hộp có kích thước (14,5x14,5x15) cm, bên ngoài bọc bằng giấy màu đỏ, có in chữ nước ngoài (dạng chữ Trung Quốc), bên trong có 36 vật hình trụ tròn, vỏ bằng giấy có liên kết với nhau và 01 hộp dạng hình chữ nhật, kích thước (14,5x14,5x15) cm, có tổng khối lượng 1,28kg, bên ngoài bọc bằng giấy màu xanh, nhãn hiệu

“Moguwang”, bên trong có 36 vật hình trụ vỏ bằng giấy liên kết với nhau. Tất cả được niêm phong trong thùng bìa các tông (ký hiệu M1) gửi giám định đều là pháo có đầy đủ đặc tính của pháo nổ (có chứa thuốc pháo và khi bị kích thích hoặc đốt có gây tiếng nổ).

- 20 hộp dạng hình hộp chữ nhật, có tổng khối lượng 27,9 kg, mỗi hộp kích thước (14,5x14,5x15) cm, bên ngoài bọc bằng giấy màu đỏ, có in chữ nước ngoài (dạng chữ Trung Quốc), bên trong có 36 vật hình trụ tròn, vỏ bằng giấy liên kết với nhau. Tất cả được niêm phong trong một thùng bìa các tông (ký hiệu M2) gửi giám định đều là pháo có đầy đủ đặc tính của pháo nổ (có chứa thuốc pháo và khi bị kích thích hoặc đốt có gây tiếng nổ).

Ngoài ra, quá trình điều tra vụ án, Cơ quan điều tra còn xác định: Lê Văn L và Lê Trọng H có quen biết nên L trao đổi với H tìm người có nhu cầu mua pháo rồi báo lại cho L để bán pháo, hình thức mua bán như sau: H sẽ trực tiếp liên hệ với người mua và nhận tiền rồi cho số điện thoại của L để người mua liên hệ lấy pháo. Khi người mua liên hệ, L sẽ giấu pháo ở một địa điểm và hướng dẫn người mua đến lấy pháo mà không trực tiếp giao dịch. Bằng thủ đoạn nêu trên, L và H đã bán pháo cho 03 người vào các ngày 24/12/2019, 31/12/2019 và 05/01/2020 với số lượng pháo đã bán là 05 hộp. Lê Trọng H đã cùng với L có hành vi buôn bán hàng cấm (pháo nổ) cho các đối tượng không quen biết. Quá trình điều tra không xác định được các đối tượng đã mua pháo và số lượng pháo đã bán, do đó không đủ căn cứ để xử lý trách nhiệm đối với Lê Trọng H. Cơ quan CSĐT Công an huyện Nông Cống đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 0022051/QĐ-XPKLBB ngày 18/02/2020 đối với H, bằng hình thức phạt tiền.

Đối với Nguyễn Duy Q mặc dù người trực tiếp thỏa thuận mua pháo với Lê Văn L để cùng với Trần Văn Th2 và Đỗ Văn Th3 bán lại cho Lê Gia P, nhưng tính đến thời điểm thực hiện hành vi phạm tội ngày 10/01/2020, Q chưa đủ 16 tuổi, theo quy định tại khoản 2 Điều 12 BLHS Q không phải chịu trách nhiệm hình sự. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Nông Cống đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Về nguồn gốc pháo: Bị cáo Lê Văn L đã mua của một người có tài khoản Facebook tên “QH” ở BN, giữa L và đối tượng trên chỉ liên hệ với nhau qua ứng dụng Facebook. Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra không xác minh được địa chỉ, tên tuổi của người có tài khoản Facebook tên “QH” nên không đủ cơ sở để xử lý.

Đối với Lê Gia Ph: P khai nhận có trao đổi điện thoại để mua pháo với Q, nhưng chưa giao dịch được và mục đích của P chỉ mua 01 hộp pháo để sử dụng, do đó không đủ căn cứ để xử lý trách nhiệm đối với P.

Đối với mô tô nhãn hiệu Wave, màu trắng - đen - bạc, biển kiểm soát 36B6-746.25 và chiếc xe mô tô nhãn hiệu Exciter 150, màu xanh - bạc, biển kiểm soát: 36B4-789.08, là xe không thuộc sở hữu của các bị cáo, chủ phương tiện không biết các bị cáo mượn xe để dùng vào việc phạm tội. Cơ quan điều tra đã xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại bản cáo trạng số 12/CT-VKS ngày 23/02/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống đã truy tố các bị cáo Lê Văn L, Trần Văn Th2, Đỗ Văn Th3 về tội “Buôn bán hàng cấm”, quy định tại điểm c khoản 1 Điều 190 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống trình bày luận tội giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Các bị cáo Lê Văn L, Trần Văn Th2 và Đỗ Văn Th3 phạm tội “Buôn bán hàng cấm”.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điểm c khoản 1 Điều 190; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 BLHS đối với bị cáo Lê Văn L;

- Điểm c khoản 1 Điều 190; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 BLHS đối với Trần Văn Th2;

- Điểm c khoản 1 Điều 190; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 khoản 1 Điều 101 và Điều 65 BLHS đối với Đỗ Văn Th3;

Xử phạt Lê Văn L từ 30 đến 36 tháng tù; Xử phạt Trần Văn Th2 từ 12 đến 15 tháng tù; Xử phạt Đỗ Văn Th3 từ 09 đến 12 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng. Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo và Đề nghị áp dụng Điều 47 BLHS; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu và tiêu hủy: 31,7kg pháo nổ, mẫu vật còn lại sau giám định; 02 sim điện thoại; 01 ba lô (màu đen), mặt trước có logo HP Hoàng - Phước (đã qua sử dụng); Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 điện thoại Nokia 1280 (màu đen), 01 điện thoại Nokia TA-1034 (màu đen); Trả lại cho Lê Trọng H 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, loại màn hình cảm ứng, màu xanh - đen, kèm 01 sim.

Các bị cáo nhận tội, không có tranh luận với quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát, các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Nông Cống, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo Lê Văn L, Trần Văn Th2 và Đỗ Văn Th3 đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai người làm chứng, biên bản bắt người phạm tội quả tang, các tang vật chứng thu giữ được trong quá trình điều tra, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Đủ cơ để Hội đồng xét xử khẳng định: Vào khoảng 12 giờ 05 phút ngày 10 tháng 01 năm 2020, tại khu vực đền BT,

thuộc địa phận thôn 6, xã TT, huyện N, tỉnh Thanh Hóa: Nguyễn Duy Q, Trần Văn Th2 và Đỗ Văn Th3 có hành vi mua bán pháo nổ cho Lê Gia P, khi hành vi mua, bán chưa kịp diễn ra thì bị Công an huyện Nông Cống bắt quả tang thu giữ 05 hộp pháo dân, loại 36 quả có khối lượng 6,88kg, pháo có đầy đủ đặc tính của pháo nổ (có chứa thuốc pháo và khi bị kích thích hoặc đốt có gây tiếng nổ). Cùng ngày bị cáo Lê Văn L đã đến cơ quan Công an huyện Nông Cống đầu thú, tự nguyện giao nộp cho cơ quan điều tra 20 hộp pháo, loại pháo dân 36 quả, có khối lượng 27,9kg, pháo có đầy đủ đặc tính của pháo nổ (có chứa thuốc pháo và khi bị kích thích hoặc đốt có gây tiếng nổ) mà L đã đặt mua trước đó với mục đích bán kiếm lời và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

[3] Xét tính chất của vụ án và hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy: Đây là vụ án thuộc trường hợp tội phạm nghiêm trọng, hành vi mua bán 6,88kg pháo nổ của Trần Văn Th2, Đỗ Văn Th3 và hành vi mua bán tổng cộng 34,78 kg pháo nổ của Lê Văn L là hành vi nguy hiểm cho xã hội vì pháo nổ là mặt hàng nhà nước cấm tàng trữ, cấm lưu hành, mặc dù các bị cáo nhận thức được pháo nổ là hàng cấm, việc buôn bán pháo là hành vi vi phạm pháp luật, nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện nhằm mục đích lợi nhuận. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế, xâm phạm đến chế độ độc quyền của Nhà nước trong việc quản lý, sản xuất, kinh doanh một số loại hàng cấm; gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội tại địa phương. Do đó, cần phải xử phạt các bị cáo một mức án nghiêm khắc mới có tác dụng răn đe, cải tạo các bị cáo trở thành người có ích cho gia đình và xã hội, đồng thời giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, đấu tranh và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Xét vai trò của các bị cáo: Trong vụ án này Trần Văn Th2 và Đỗ Văn Th3 không có sự phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng người, khi biết L có pháo và được Q rủ các bị cáo cùng thống nhất ý chí và cùng thực hiện nên đây là trường hợp đồng phạm giản đơn, các bị cáo đều là người thực hành và độc lập với hành vi phạm tội của Lê Văn L.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Các bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự nên không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo L, Th2, Th3 đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo Lê Văn L được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ: Người phạm tội đầu thú, quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

Với tính chất vụ án, hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo, HĐXX áp dụng: Điểm c khoản 1 Điều 190 Bộ luật hình sự, xử phạt các bị cáo một mức án nghiêm khắc, tương xứng với tính chất của vụ án, hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo, cách ly các bị cáo Lê Văn L và Trần Văn Th2 ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo các bị cáo thành người công dân có ích cho

xã hội. Áp dụng Điều 329 Bộ luật tố Tụng hình sự tiếp tục tạm giam bị cáo L, Th2 để đảm bảo việc thi hành án.

Đối với bị cáo Đỗ Văn Th3, tính đến thời điểm phạm tội, bị cáo chưa đủ 18 tuổi, vì vậy HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 91, khoản 1 Điều 101 BLHS để xem xét khi quyết định hình phạt và áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho bị cáo hưởng án treo, giao cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách cũng đảm bảo giáo dục bị cáo thành công dân tốt.

[6] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có tài sản riêng, không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định, bị cáo Th3 hiện nay đang là học sinh lớp 11, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng: Vật chứng của vụ án gồm:

- Đối với 31,7kg (Kilôgam) pháo nổ còn lại sau giám định (được niêm phong trong 02 thùng bìa các tông ký hiệu M1 và M2) là vật nhà nước cấm tàng trữ, cấm lưu hành; 01 ba lô màu đen, có lô gô HP Hoàng - Phước và 02 sim điện thoại là vật không còn giá trị sử dụng, giá trị sử dụng ít nên áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a, c khoản 2 Điều 106 BLTTHS, tịch thu và tiêu hủy.

- Đối với 01 điện thoại Nokia 1280 (màu đen); 01 điện thoại Nokia TA-1034 (màu đen) là công cụ dùng vào việc phạm tội nên áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a, c khoản 2 Điều 106 BLTTHS, tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước.

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, loại màn hình cảm ứng, màu xanh - đen, kèm 01 sim là tài sản của Lê Trọng H, không phải là vật chứng của vụ án nên áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106 BLHS trả lại cho Lê Trọng H.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 190 của Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố các bị cáo Lê Văn L, Trần Văn Th2 và Đỗ Văn Th3 phạm tội “Buôn bán hàng cấm”.

2. Căn cứ:

Điểm c khoản 1 Điều 190; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với Lê Văn L;

Điểm c khoản 1 Điều 190; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với Trần Văn Th2;

Điểm c khoản 1 Điều 190; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65; khoản 1 Điều 91; khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự đối với Đỗ Văn Th3.

Xử phạt: **Lê Văn L 33** (Ba mươi ba) tháng tù. Hạn tù kể từ ngày tạm giữ, tạm giam 10/01/2020. Tiếp tục tạm giam bị cáo để bảo đảm cho việc thi hành án.

Xử phạt: **Trần Văn Th2 14** (Mười bốn) tháng tù. Hạn tù kể từ ngày tạm giữ, tạm giam 10/01/2020. Tiếp tục tạm giam bị cáo để bảo đảm cho việc thi hành án.

Xử phạt: **Đỗ Văn Th3 10** (Mười) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 20 (Hai mươi) tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (04/5/2020). Giao bị cáo cho UBND xã C, huyện N, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người bị kết án thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 BLHS; Điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu và tiêu hủy 31,7kg (kilôgam) pháo nổ còn lại sau giám định và 01 ba lô (màu đen), có lô gô HP Hoàng - Phước và 02 sim điện thoại.

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước: 01 điện thoại Nokia 1280 (màu đen) của Trần Văn Th2, 01 điện thoại Nokia TA-1034 (màu đen) của Đỗ Văn Th3;

Trả lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, loại màn hình cảm ứng, màu xanh - đen, kèm 01 sim cho Lê Trọng H.

(Vật chứng có đặc điểm như mô tả tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/02/2020 giữa Cơ quan CSĐT Công an huyện Nông Cống và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống và Lệnh nhập kho vật chứng số 17/CSĐT ngày 02/3/2020 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa).

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Khoản 1 Điều 21, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo Lê Văn L, Trần Văn Th2 và Đỗ Văn Th3 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai, sơ thẩm có mặt các bị cáo, người đại diện hợp pháp cho bị cáo Đỗ Văn Th; vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Bị cáo, người đại diện hợp pháp cho bị cáo Th được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (04/5/2020); Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người đại diện hợp pháp (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án phần liên quan đến quyền, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Nông Cống;
- Công an huyện Nông Cống;
- Cơ quan THA hình sự;
- Chi cục THADS huyện Nông Cống;
- Sở tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- Các bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Lê Xuân Tuyên